

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý 3.2010	Quý 3.2009	Lũy kế 9 tháng 2010	Lũy kế 9 tháng 2009
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL.16	662.302.879.240	303.965.169.920	1.383.394.626.719	634.560.803.199
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	VL.17	0	0	0	246.404.440
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL.18	662.302.879.240	303.965.169.920	1.383.394.626.719	634.314.398.759
11	Giá vốn hàng bán	VL.19	458.288.136.030	203.184.914.630	951.701.230.042	477.382.079.058
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		204.014.743.210	100.780.255.290	431.693.396.677	156.932.319.701
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VL.20	5.219.293.268	11.805.556.439	25.881.417.123	38.579.478.842
22	Chi phí tài chính	VL.21	5.187.209.391	87.617.921	20.305.568.415	2.007.016.446
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.146.846.236	85.682.916	19.720.005.000	85.682.916
24	Chi phí bán hàng		6.930.553.397	2.797.817.944	13.629.048.410	6.253.141.753
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		54.512.206.454	13.220.235.509	82.792.904.152	29.794.568.103
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		142.604.067.236	96.480.140.355	340.847.292.823	157.457.072.241
31	Thu nhập khác		36.559.775.610	376.952.943	96.975.443.758	57.843.530.426
32	Chi phí khác		8.944.857.917	468.813.214	24.823.973.194	29.497.112.740
40	Lợi nhuận khác		27.614.917.693	(91.860.271)	72.151.470.564	28.346.417.686
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		170.218.984.929	96.388.280.084	412.998.763.387	185.803.489.927
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VL.22	42.353.616.815	23.450.000.000	100.399.496.677	44.508.118.808
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		127.865.368.113	72.938.280.084	312.599.266.710	141.295.371.119
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VL.23	1.596	902	3.901	1.748

Lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng giám đốc

Nguyễn Thị Lê Dung

Dương Văn Khen

Nguyễn Văn Tân

